|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD – ĐT HƯNG YÊN  **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  Số: 25 /KH-THPT THĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Tiên lữ, ngày 30 tháng 03năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**TRIỂN KHAI CTGDPT 2018 ĐỐI VỚI LỚP 10**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/ 2019 QH 14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH 13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 707 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2021 của Bộ GD –ĐT về việc Ban hành tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 442 /QĐ-BGDĐT ngày28 tháng 01 năm 2022 của Bộ GD –ĐT về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lóp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số: 325/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Sở GD –ĐT Hưng Yên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Đề án NNQG năm 2022;

Căn cứ thực tế đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường.

Trường THPT Trần Hưng Đạo xây dựng kế hoạch triển khai CTGDPT 2018 đối với lớp 10 năm học 2022- 2023 như sau:

**II. MỤC TIÊU**

Triển khai hiệu quả CTGDPT 2018, phù hợp với điều kiện của nhà trường về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị.

Đảm bảo đáp ứng tối đa nguyện vọng học tập của từng học sinh. Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn, nền nếp - kỷ cương, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình.

  Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

**III. NỘI DUNG**

**1. Chương trình chính khóa lớp 10 (***XD cụ thể chi tiết sau***)**

**2. Xây dựng phương án lựa chọn môn học cho học sinh**

Căn cứ khung chương trình giáo dục hiện hành, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn, căn cứ vào tình hình của nhà trường và đề nghị của các tổ, nhóm chuyên môn, trường THPT Trần Hưng Đạo xây dựng phương án dạy học năm học 2022-2023 như sau:

- Các lớp khối 10 (7 lớp): Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo TT32/2018/TT-BGDĐT.

- Các lớp khối 11, 12 (15 lớp): Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2006.

**\* Quy định thời gian học:** Theo quyết định ban hành khung thời gian năm học của UBND tỉnh Hưng Yên.

Học kì I: Từ ngày 21/8/2022 đến 15/1/2023.

Học kì II: Từ ngày 16/1/2023 đến 30/5/2023.

**\* Các phương án lựa chọn môn học cho khối 10**

Căn cứ vào đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và điều kiện cụ thể, trường xây dựng các phương án sau cho học sinh lớp 10 lựa chọn:

Tổng số 07 lớp chia thành 5 nhóm tổ hợp. (***Xem bảng chi tiết trang 8***)

Hoạt động giáo dục bắt buộc HĐ trải nghiệm, HN: Dành cho tất cả các lớp.

Nội dung giáo dục địa phương: Dành cho tất cả các lớp.

Môn Âm nhạc và Mĩ thuật chưa có giáo viên nên chưa lựa chọn.

Môn Ngoại ngữ 2 hoặc tiếng dân tộc: Không lựa chọn.

Học kỳ I dạy 18 tuần, học kỳ 2 dạy 17 tuần, mỗi tuần học 6 buổi, mỗi buổi không quá 5 tiết, mỗi tiết 45 phút.

**3. Phân phối chương trình theo từng học kỳ** *(XD sau-Có phụ lục đính kèm)*

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban giám hiệu**

- Đồng chí Phó Hiệu trưởng Lê Anh Quân: Phụ trách chung.

- Đồng chí Phó Hiệu trưởng Lê Anh Quân, trưởng Ban chuyên môn: Phụ trách công tác tập huấn chuyên môn, triển khai CTGDPT 2018, công tác lựa chọn sách giáo khoa, công tác xây dựng phương án phân lớp và tổ chức dạy học, công tác giới thiệu giáo viên tham gia giảng dạy khối 10 năm học 2022-2023, công tác giới thiệu giáo viên tham gia hội đồng lựa chọn sách của tỉnh.

- Đồng chí Phó Hiệu trưởng Đỗ Thị Thanh Thủy: Phụ trách công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc triển khai thực hiện CTGDPT 2018.

**2. Các đồng chí tổ trưởng các tổ chuyên môn:** Tổ chức cho giáo viên trong tổ mình lựa chọn sách giáo khoa; Định hướng tổ chức sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn hàng tháng ưu tiên chương trình lớp 10.

**3. Các đồng chí giáo viên được dự kiến phân công giảng dạy lớp 10 năm học 2022-2023:** Nghiêm túc nghiên cứu CTGDPT 2018, tham gia tập huấn, lựa chọn sách giáo khoa đầy đủ, tư vấn, giới thiệu các thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học với BGH nhà trường để mua bổ sung; Nghiên cứu kỹ sách giáo khoa đã được lựa chọn đê đưa vào giảng dạy.

**4. Các đồng chí giáo viên khác:** Nghiêm túc nghiên cứu CTGDPT 2018 để chuẩn bị cho việc giảng dạy những năm học tiếp theo.

**5. Bộ phận văn phòng, thư viện, thiết bị:** Hỗ trợ các giáo viên giảng dạy thông qua các nhiệm vụ cụ thể được giao.

Trên đây là kế hoạch triển khai CTGDPT 2018 đối với lớp 10 năm học 2022- 2023. Các tổ chuyên môn, giáo viên bô môn có liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các thành viên có ý kiến phản ánh kịp thời để tìm biện pháp khắc phục.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở GD & ĐT Hưng Yên (để b/c);  - Toàn thể CB, GV, NV Trường THPT Trần Hưng Đạo (để t/h);  - Đăng Website trường;  - Lưu VT. | **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **LÊ ANH QUÂN** |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD – ĐT HƯNG YÊN  **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  Số: 26 /QĐ – THPT THĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Tiên Lữ , ngày 30 tháng 03 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế xếp học sinh lớp 10 theo nhóm môn học**

**Năm học 2022- 2023**

**HIỆU TRƯỜNG TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO:**

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH 13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Công văn số 370/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 09 tháng 03 năm 2022 của Sở GD –ĐT Hưng Yên về việc xây dựng phương án tổ chức dạy học lớp 10 năm học 2022-2023;*

*Căn cứ thực tế đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường;*

*Theo đề nghị của Ban chuyên môn.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành Quy chế xếp học sinh lớp 10 theo nhóm môn học năm học 2022- 2023.

**Điều 2.** Quy chế xếp học sinh lớp 10 theo nhóm môn học năm học 2022- 2023 gồm 3 phần với 8 điều, được triển khai thực hiện trong năm học 2022-2023.

**Điều 3.** Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***  **PHÓ** **HIỆU TRƯỞNG**

- Sở GD-ĐT Hưng Yên (để b/c);

- Như Điều 3 (để thực hiện);

- Đăng Website trường;

- Lưu VT.

**LÊ ANH QUÂN**

SỞ GD-ĐT HƯNG YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

*Tiên Lữ, ngày 30 tháng 03 năm 2022*

**QUY CHẾ**

**XẾP HỌC SINH LỚP 10 THEO NHÓM MÔN HỌC**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**PHẦN I: PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN NHÓM MÔN HỌC CHO HỌC SINH**

**Điều 1. Số lớp 10 và số học sinh được giao**

- Số lớp: 07 lớp.

- Số học sinh: 308 học sinh.

**Điều 2. Phương án phân lớp theo nhóm môn học (**Xem phụ lục trang 8**)**

Môn Âm nhạc và Mĩ thuật chưa có giáo viên nên chưa lựa chọn.

Môn Ngoại ngữ 2 hoặc tiếng dân tộc: Không lựa chọn.

Học kỳ I dạy 18 tuần, học kỳ 2 dạy 17 tuần, mỗi tuần học 6 buổi, mỗi buổi không quá 5 tiết, mỗi tiết 45 phút.

**PHẦN 2: CÁC NGUYỆN VỌNG KHI CHỌN LỚP**

**Điều 3. Mỗi học sinh có 3 nguyện vọng để chọn lớp**

- Nguyện vọng 1: Là nguyện vọng đăng ký chọn lớp thuộc nhóm các môn học (tổ hợp môn học) mong muốn nhất, nguyện vọng đầu tiên.

- Nguyện vọng 2: Là nguyện vọng đăng ký chọn lớp thuộc nhóm các môn học (tổ hợp môn học) sau khi không đảm bảo điều kiện vào lớp thuộc nhóm các môn học đầu tiên (không được nguyện vọng mong muốn nhất).

- Nguyện vọng 3: Là nguyện vọng đăng ký chọn lớp thuộc nhóm các môn học sau khi không đảm bảo điều kiện vào lớp thuộc nhóm các môn học (tổ hợp môn học) của nguyện vọng 2.

**Điều 4. Đăng ký nguyện vọng**

Học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2022 – 2023 trường THPT Trần Hưng Đạo, sẽ được phát 01 phiếu để đăng ký nguyện vọng, trong phiếu ghi rõ các ô nguyện vọng 1, 2, 3; dựa vào năng lực học tập của bản thân, mỗi học sinh cùng cha mẹ học sinh đăng ký để được xếp vào học ở một nhóm lớp (Tổ hợp môn học) trên. Mỗi học sinh được đăng ký 03 nguyện vọng NV1; NV2; NV3 theo thứ tự ưu tiên (NV1: Vào học ở nhóm lớp mong muốn nhất; NV2: Vào học ở nhóm lớp mong muốn thứ hai; NV3: Vào học ở nhóm lớp mong muốn thứ ba)

**PHẦN III: QUY ĐỊNH XẾP LỚP**

**Điều 5. Sĩ số các lớp:** Mỗi lớp không quá 45 học sinh.

**Điều 6. Điều kiện xếp lớp:** Sau khi có kết quả thi tuyển sinh, trên cơ sở danh sách học sinh trúng tuyển, nhà trường tổ chức xếp học sinh vào các lớp, điều kiện cụ thể như sau:

a. Có nguyện vọng học các nhóm lớp (Tổ hợp môn học từ TH1; TH2; .... đến TH5) , thể hiện qua phiếu đăng ký.

b. Căn cứ Điểm thi TS vào lớp 10 năm 2022-2023 (với hệ số B)

c. Căn cứ điểm thi tuyển sinh môn học (nếu có) xếp từ cao xuống thấp [ ví dụ tổ hợp 1: môn Toán ; Vật lý; Hóa học; Sinh học; KT & PL; Tin; Tổ hợp 3 là Vật ý; Lịch sử; Địa lý; KT & PL; CN...] (với hệ số C).

d. Căn cứ điểm trung bình chung cả năm lớp 9 các môn [ ví dụ tổ hợp 1: môn Toán ; Vật lý; Hóa học; Sinh học; KT & PL; Tin; Tổ hợp 3 là Vật ý; Lịch sử; Địa lý; KT & PL; CN...] (với hệ số D).

e.Ưu tiên các học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn HSG các môn văn hóa; cuộc thi nghiên cứu KH-KT từ cấp huyện trở lên lĩnh vực. Các học sinh đạt giải trong các cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên và nhi đồng, thi Sáng tạo khoa học trẻ ở lĩnh vực khoa học tự nhiện, kỹ thuật từ cấp tỉnh trở lên (với hệ số E).

Căn cứ xếp vào nhóm lớp: Ưu tiên nguyện vọng 1 (NV1) và điểm xét tuyển vào trường học sinh đạt được trong kỳ thi TS vào lớp 10 THPT năm học 2022 – 2023.

Sắp xếp HS vào nhóm lớp (tổ hợp môn học) trên cơ sở HS có nguyện vọng học tổ hợp (a) đó có điểm tổng Z từ cao đến thấp.

Điểm xét tuyển = ∑Tổng (b\*B + c\*C+ d\*D+e\*E)= Z

Các nguyện vọng 2 (NV2) và nguyện vọng 3 (NV3) được xét đến trong các tình huống cụ thể như sau:

**Điều 7. Xếp học sinh theo các nguyện vọng vào nhóm lớp (tổ hợp MH)**

**1. Tình huống 1: Có 01 nhóm lớp có số lượng học sinh đăng ký NV1 lớn hơn số lượng của nhóm, 03 nhóm lớp còn thiếu số lượng của nhóm:**

Điểm xét tuyển của các học sinh của nhóm lớp (tổ hợp) có số lượng NV1 còn dư được xếp từ lớn đến nhỏ, lấy đủ số lượng của nhóm (tổ hợp). Số học sinh còn lại nhập vào các nhóm lớp còn lại theo NV2 đã đăng ký. Có thể xuất hiện một trong hai trường hợp sau:

***Trường hợp 1***: Có 01 nhóm lớp có tổng NV1 và NV2 lớn hơn số lượng của nhóm và 02 nhóm lớp còn thiếu số lượng: Điếm xét tuyển của các học sinh đăng ký NV2 của nhóm có số lượng còn thừa được xếp từ lớn đến nhỏ, lấy đủ số lượng của nhóm lớp. Số còn lại nhập vào các nhóm theo NV3. Nếu còn nhóm có tổng NV1; NV2; NV3 còn thừa số lượng thì điếm xét tuyển của các học sinh đăng ký NV3 của nhóm này được xếp từ lớn đến nhỏ, lấy đủ số lượng, số còn lại nhà trường xếp vào nhóm lớp còn thiếu và kết thúc

***Trường hợp 2***: Có 02 nhóm lớp có tổng NV1 và NV2 lớn hơn số lượng của nhóm lớp và 01 nhóm lớp còn thiếu số lượng: Điếm xét tuyển của các học sinh đăng ký NV2 của 02 nhóm có số lượng còn dư được xếp từ lớn đến nhỏ, lấy đủ số lượng của nhóm. Số còn lại nhập vào nhóm lớp còn thiếu (không sử dụng NV3) và kết thúc.

**2. Tình huống 2: Có 02 nhóm lớp có số lượng học sinh đăng ký NV1 lớn hơn số lượng của nhóm; 02 nhóm lớp còn thiếu số lượng của nhóm:**

Điểm xét tuyển của các học sinh của các nhóm lớp có số lượng NV1 còn thừa được xếp từ lớn đến nhỏ, lấy đủ số lượng của nhóm. Số học sinh còn lại nhập vào các nhóm lớp còn lại theo NV2 đã đăng ký. (Nếu NV2 của học sinh là nhóm đã thừa số lượng thì nhập vào nhóm lớp theo NV3 của học sinh đó và được coi là NV2, không sử dụng NV2).

Nếu còn nhóm lớp thừa số lượng thì điểm xét tuyển của các học sinh đăng ký NV2 và NV3 được xếp từ lớn đến nhỏ lấy đủ số lượng. Số còn lại nhà trường xếp vào nhóm lớp còn thiếu và kết thúc.

**3. Tình huống 3: Có 03 nhóm lớp có số lượng học sinh đăng ký NV1 lớn hơn số lượng của nhóm; 01 nhóm lớp còn thiếu số lượng của nhóm:**

Điểm xét tuyển của các học sinh của các nhóm lớp có số lượng NV1 còn thừa được xếp từ lớn đến nhỏ, lấy đủ số lượng của nhóm lớp. Số học sinh còn lại nhập vào các nhóm lớp còn thiếu và kết thúc (không sử dụng NV2 và NV3)

**4. Tình huống 4: Cả 04 nhóm lớp có số lượng học sinh đăng ký NV1 đúng với số lượng của nhóm lớp:**

Nhà trường xếp lớp theo đúng NV1 của toàn bộ học sinh đã trúng tuyển và kết thúc (không sử dụng NV2 và NV3)

**Điều 8:** **Hồ sơ nhập học**

- Giấy chứng nhận kết quả thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023;

- Học bạ THCS (bản chính) để trường kiểm tra;

- Nộp kèm theo phiếu đăng ký nguyện vọng là Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp trung học cơ sở; giấy chứng nhận kết quả các cuộc thi, kỳ thi để xét điểm cộng (nếu có, bản sao từ sổ gốc hoặc công chứng).

Trên đây là kế hoạch tổ chức dạy học lớp 10 năm học 2022-2023 và quy chế sắp xếp học sinh trúng tuyển vào các lớp theo chương trình GDPT-2018 của trường THPT Trần Hưng Đạo. Đề nghị các trường THCS trên địa bàn huyện, tỉnh thông báo đến phụ huynh và học sinh của trường để các em học sinh được biết, nghiên cứu và có những lựa chọn cho phù hợp với năng lực, sở trường của mình để đăng ký dự thi vào lớp 10 năm học 2022-2023

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở GD & ĐT Hưng Yên (để b/c);  - Toàn thể CB, GV, NV, học sinh trường THPT Trần Hưng Đạo (để t/h);  - Đăng Website trường;  - Lưu VT. | **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **LÊ ANH QUÂN** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SỞ GD &ĐT HƯNG YÊN | | | | | |  | **PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI CTGDPT 2018** | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |
| **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO** | | | | | |  |  |  |  |  | (ĐỐI VỚI LỚP 10\_NĂM HỌC 2022-2023) | | | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| STT LỚP 10 | MÔN BẮT BUỘC (07 MÔN) | PHƯƠNG ÁN | MÔN HỌC LỰA CHỌN (Chọn 5 môn từ 3 nhóm môn; Công thức 3-1-1 hoặc 2-2-1) | | | | | | | | | | CĐ Học tập lựa chọn | | | | | | | | | | | | | SỐ LỚP (Max45 HS/ Lớp) | Tên Tổ Hợp |
| (MÔN GDTC chọn 1/4 nội dung; chọn 1/4 sgk) | Nhóm MÔN KHTN | | | Nhóm MÔN KHXH | | | Nhóm CN- NGHỆ THUẬT | | | | Chọn 3 CĐ 3 môn từ 14 C Đ thuộc 12 môn : T; L; H; Si; V; Sư; Đ; KT &PT; MT ; AN; CN (2 CĐ) Tin (2 CĐ) | | | | | | | | | | |  |  |
| LÝ; HÓA; SINH HS Chọn từ 1-3 môn | | | SỬ; ĐỊA; GDKT&PL HS chọn 1-3 môn | | | CN- TIN-MT-ÂN Chọn 1-3 môn; môn CN; ÂN chọn1/2 SGK; Môn MT chọn 4/10 SGK | | | |  |  |
|  |  |  | *Lý* | *Hóa* | *Sinh* | *Sử* | *Địa* | *KTPL* | *Tin* | *CN(CN)* | | *CN(NN)* | *T* | *Lý* | *Hóa* | *Sinh* | *CN* | ***NN*** | *Tin* | *Văn* | *Sử* | *Địa* | *KTPL* | *MT* | *AN* |
| 1 | VĂN; TOÁN; ANH; GDTC (Cầu lông); GDQP-AN; HĐTN-HN; GD ĐP | 3;1;1 | Lý | Hóa | Sinh |  |  | KTPL | Tin |  | |  | T | LÝ | Hóa |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | TH1 |
| 2 | 3;1;1 | Lý | Hóa | Sinh | Sử |  |  |  |  | | CN(NN) | T |  |  | Sinh |  |  |  | Văn |  |  |  |  |  | 1 | TH2 |
| 3 | 1;3;1 | Lý |  |  | Sử | Địa | KTPL |  | CN(CN) | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Sử | Địa | KTPL |  |  | 1 | TH3 |
| 4 | 2;2;1 | Lý | Hóa |  | Sử | Địa |  | Tin |  | |  | T | Lý |  |  |  |  |  | Văn |  |  |  |  |  | 3 | TH4 |
| 5 | 2;2;1 | Lý | Hóa |  | Sử | Địa |  | Tin |  | |  | T | Lý |  |  |  |  |  | Văn |  |  |  |  |  |
| 6 | 2;2;1 | Lý | Hóa |  | Sử | Địa |  | Tin |  | |  | T | Lý |  |  |  |  |  | Văn |  |  |  |  |  |
| 7 | 2;1;2 | Lý | Hóa |  |  | Địa |  | Tin | CN(CN) | |  |  |  |  |  | CN |  | Tin | Văn |  |  |  |  |  | 1 | TH5 |
| Tổng số môn học và Chuyên đề PA I | | | 7 | 6 | **2** | 5 | 5 | 2 | 5 | 2 | | 1 | 5 | 4 | 1 | 1 | 1 |  | 1 | 5 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 7 |  |